

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG ĐIỀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST

Ngày 03/5/2019

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Viết Nước.
2. Bà Hồ Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 25/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Minh H; sinh năm: 1989;

Nơi cư trú: Thôn Bình L, xã Phan Rí T, huyện Bắc B, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn L; sinh năm: 1985;

Nơi cư trú: Thôn Trọng Đ, xã Quảng V, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07 tháng 01 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Võ Thị Minh H trình bày:

Chị H và anh Nguyễn L sau một thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới theo phong tục cổ truyền và tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Quảng V, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa

Thiên Huế vào ngày 12/7/2012. Sau khi cưới, vợ chồng cùng chung sống và làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh. Hạnh phúc được một thời gian đến khoảng năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L thay đổi tính cách, lãnh đạm, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ con; không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng; vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ, tình cảm rạn nứt. Không thể tiếp tục chung sống nên chị H về quê ở Bình Thuận sinh sống. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ đó cho đến nay, không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay không còn tình cảm, chị H xin được ly hôn với anh L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Võ Gia H1; sinh ngày: 05/3/2013. Hiện nay cháu H1 đang sống cùng chị H. Sau ly hôn, chị H có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 02 năm 2019 và quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn L trình bày:

Về quá trình kết hôn, chung sống vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn và có lời qua tiếng lại với nhau, nguyên nhân chủ yếu về vấn đề kinh tế, không tin tưởng nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh L có ý kiến thuận tình ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 01 con chung như chị H trình bày. Quá trình chị H nuôi dưỡng con chung, thời gian đầu, anh L vẫn thăm hỏi, chu cấp cho việc nuôi con, chỉ thời gian về sau, anh L không chu cấp cho việc nuôi con. Nay vợ chồng ly hôn, anh L cũng có nguyện vọng xin được nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh và tham khảo ý kiến của cơ quan chuyên môn bảo vệ trẻ em là Phòng Lao động Thương binh và xã hội huyện Quảng Điền cho biết: Trường hợp này cần quyết định giao con chung cho người mẹ tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Điền tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người làm chứng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; riêng bị đơn kể từ thời điểm thụ lý vụ án đã cơ bản thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng giữa chị H và anh L đã trầm trọng; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử cho chị H được ly hôn với anh L.

Về con chung: Đề nghị áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; anh L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Chị Võ Thị Minh H có đơn xin ly hôn, bị đơn là anh Nguyễn L có nơi cư trú tại xã Quảng V, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế nên tranh chấp trên được xác định là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn L đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, đã trình bày lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã triệu tập họp lệ để tiếp tục tiến hành hòa giải nhưng anh L vắng mặt. Tại phiên tòa, anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được triệu tập họp lệ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Minh H và anh Nguyễn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng V, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế theo giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyền số 02/2012 ngày 12/7/2012. Do đó, hôn nhân giữa chị H và anh L là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ

chồng không hòa hợp nhau về cách sống và kinh tế gia đình nên thường gây gổ nhau và đã sống ly thân mỗi người một nơi, bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa. Lỗi dẫn đến ly hôn thuộc về hai vợ chồng, Tòa án đã tiến hành hòa giải với mục đích để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh L và chị H có ý kiến thuận tình ly hôn. Vì vậy, mâu thuẫn của chị H và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh L.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh L có 01 con chung là Nguyễn Võ Gia H1 sinh ngày 05/3/2013, hiện nay đang được chị H nuôi dưỡng, sinh sống và học hành bình thường, ổn định. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung đến trưởng thành và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung nhưng do tính chất công việc của anh L thường xuyên vắng nhà, làm ăn xa, không đảm bảo cho việc chăm sóc, giáo dục tốt cho con. Cơ quan chuyên môn về bảo vệ quyền lợi của trẻ em cũng có ý kiến giao con chung cho mẹ trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự phát triển bình thường, ổn định của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H không yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Võ Thị Minh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Minh H được ly hôn với anh Nguyễn L.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Võ Gia H1 sinh ngày: 05/3/2013 cho chị Võ Thị Minh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh L không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Chị Võ Thị Minh H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số: AA/2013/005078 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Điền, chị Hiền đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Quảng Điền;
- Chi cục THA.DS huyện Q.Điền;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trương Cao Sơn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Quảng Điền;
- Chi cục THA.DS huyện Q.Điền;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Cao Sơn